TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 260/2019/QĐST- HNGĐ	*Đông Anh, ngày 16 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 347/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị ***Nguyễn Thị Ánh T***. Sinh năm 1984.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm B, xã UN, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

2. Anh ***Lê Công C.*** Sinh năm 1979.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Xóm B, xã UN, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; biên bản thuận tình ly hôn ngày 05/7/2019 các đương sự thỏa thuận:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Lê Công C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã UN, huyện Đ, thành phố Hà Nội ngày 31/12/2003 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhau tại xóm B, xã UN, huyện Đ, thành phố Hà Nội và ở chung cùng bố mẹ chị T đến năm 2010 thì ra ở riêng. Quá trình chung sống đến tháng 01/2010 giữa anh chị nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi vã triền miên. Việc anh chị mâu thuẫn chưa được gia đình, địa phương hòa giải vì anh chị không

yêu cầu. Nay anh, chị thống nhất xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Anh, chị cùng thống nhất ý kiến xác định trong quá trình chung sống anh, chị có hai con chung là: Lê Tuyết M, sinh ngày 26/9/2004 và Lê Công D, sinh ngày 30/4/2007. Anh chị ly hôn, chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu M và cháu D; Anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 7/2019 cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp quy định của pháp luật. Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Anh, chị cùng thống nhất ý kiến xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh chị thống nhất để chị T chịu toàn bộ lệ phí là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản thuận tình ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Lê Công C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là; Lê Tuyết M, sinh ngày 26/9/2004 và Lê Công D, sinh ngày 30/4/2007. Ly hôn, chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu M và cháu D; Anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 7/2019 cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Anh, chị thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị T và anh C mỗi người phải chịu 1/2= 150.000 đồng. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh C để chị T chịu toàn bộ lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng lệ phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008674 ngày

08/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Toà án Hà Nội;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã UN, huyện Đ, Hà Nội;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Thu Thanh